

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1261/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/9/2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

2. Bà Nguyễn Kim Yên

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương - Cán bộ Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 400/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ: 346/23/15 Phan Văn Trị, phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trương Duy P, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 346/23/15 Phan Văn Trị, phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn và các bản tự khai, nguyên đơn, Bà Phan Thị H trình bày: Bà và ông Trương Duy P đã tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2014, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND Phường 11, quận B, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2014 ngày 14/4/2014. Quá trình chung sống không có hạnh phúc, sau kết hôn 02 năm ông P thường xuyên nhậu nhẹt, bỏ bê không chăm sóc quan tâm đến vợ con, bà H đã nhiều lần cố gắng khuyên nhủ nhưng ông P không thay đổi, dần dần bà H cảm thấy mệt mỏi và chán nản. Từ cuối năm 2016 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân và bà H hoàn toàn không còn tình cảm gì với ông P. Nay nhận thấy tình cảm đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn ông P.

Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên: Trương Minh A, sinh ngày 24/11/2014, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, Ông Trương Duy P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai bên đoàn tụ nhưng không thành do ông P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn: Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu về việc chấp hành đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 81 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn, giao con chung tên Trương Minh A, sinh ngày 24/11/2014 cho bà H nuôi dưỡng và ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Tài sản chung và nợ chung không xem xét do nguyên đơn không có yêu cầu.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Căn cứ vào lời khai của đương sự thì giữa các bên đã phát sinh quan hệ tranh chấp “Ly hôn”. Xét việc khởi kiện của Bà Phan Thị H phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Xét nguyên đơn có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận ký kết hôn số 55/2014 quyển số 01/2014 ngày 14/4/2014 của Ủy ban nhân dân Phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa Bà Phan Thị H và ông Trương Duy P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trình bày của Bà Phan Thị H thì mâu thuẫn giữa Bà H và ông P phát sinh sau khi kết hôn 02 năm, ông P thường xuyên nhậu nhẹt, bỏ bê không quan tâm chăm sóc vợ con, bà H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông P không thay đổi và hiện nay bà không còn tình cảm gì với ông P. Tòa án đã triệu tập ông P để lấy lời khai và tham gia các buổi hòa giải đoàn tụ nhưng ông P đều vắng mặt cho thấy ông P không có thiện chí hàn gắn và muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với Bà H. Theo xác minh của Công an Phường 11, quận B, ông P không thực tế cư trú tại địa phương từ năm 2015 là phù hợp với lời khai của bà H về việc vợ chồng bà đã không còn chung sống với nhau, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà H và ông P có 01 con chung tên Trương Minh A, sinh ngày 24/11/2014, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Theo bà H trình bày thì bà và ông P đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, trẻ Hà hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do vậy để đảm bảo việc sinh hoạt, học tập của trẻ được ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.3] Xét yêu cầu của bà H, yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107 Luật Hôn và gia đình năm 2014 và phù hợp với nhu cầu thiết yếu của bà H trong việc nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử buộc ông P cấp dưỡng cho con chung tên Trương Minh A, sinh ngày 24/11/2014 số tiền là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ A đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật, thời gian ông P bắt đầu cấp dưỡng là kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0017852 ngày 13/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là xong.

- Án phí cấp dưỡng: Ông P phải chịu án phí cấp dưỡng là: 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, Bà Phan Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H được ly hôn Ông Trương Duy P.

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Minh Hà, sinh ngày 24/11/2014 cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Buộc ông Trương Duy P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho con chung tên Trương Minh A, sinh ngày 24/11/2014 số tiền là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng cho đến khi trẻ A đủ 18 tuổi. Thời gian ông P bắt đầu cấp dưỡng là kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do Bà Phan Thị H chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0017852 ngày 13/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là xong.

- Án phí cấp dưỡng: Ông Trương Duy P phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Phan Thị H và Ông Trương Duy P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận B;
- THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiều Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Yến

Nguyễn Thị Bích Thân

Nguyễn Kiều Trang

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 ngày 03/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

- Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:
- Hội thẩm nhân dân: 1 – Bà Nguyễn Thị Bích Thân
2 – Bà Nguyễn Kim Yến

Đã nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 400/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn":

Sau khi nhiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và ra quyết định những vấn đề sau: (Biểu quyết: 3/3)

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, Bà Phan Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H được ly hôn Ông Trương Duy P.

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Minh Hà, sinh ngày 24/11/2014 cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Buộc ông Trương Duy P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho con chung tên Trương Minh Hà, sinh ngày 24/11/2014 số tiền là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng cho đến khi trẻ Hà đủ 18 tuổi. Thời gian ông P bắt đầu cấp dưỡng là kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do Bà Phan Thị H chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0017852 ngày 13/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là xong.

- Án phí cấp dưỡng: Ông Trương Duy P phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Phan Thị H và Ông Trương Duy P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Buổi nghị án kết thúc lúc 09 giờ 10 ngày 03/9/2020. Các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Yến

Nguyễn Thị Bích Thân

Nguyễn Kiều Trang